VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19/4/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân

Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2007 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2009 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

2. Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 04 tháng 8 năm 2014 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

Thi hành Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (sau đây được viết là Nghị định số 68/2007/NĐ-CP), Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định như sau[1]:

[1] Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007

A. CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

I. CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

1.[2] Thời gian hưởng chế độ ốm đau

a) Thời gian hưởng chế độ ốm đau quy định tại Điều 9 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP tính theo ngày làm việc, không kể ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết và ngày nghỉ phép hàng năm;

b) Trường hợp trong cùng một thời gian người lao động có từ hai con trở lên dưới 7 tuổi bị ốm đau, thì thời gian hưởng chế độ để chăm sóc con ốm đau được

---

của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2007/NĐ-CP); Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH) như sau:"

Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;*

Căn cứ Nghị định số 153/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 153/2013/NĐ-CP),

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH) như sau:"

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Mục I của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

tính bằng thời gian thực tế người lao động nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau; thời gian tối đa hưởng chế độ để chăm sóc con ốm đau trong một năm cho mỗi con thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị Bình có con 1 tuổi bị ốm từ ngày 09 đến ngày 15 tháng 6 năm 2009 và một con 5 tuổi bị ốm từ ngày 12 đến ngày 18 tháng 6 năm 2009 và phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm từ ngày 09 đến ngày 18 tháng 6 năm 2009. Như vậy, thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của đồng chí Nguyễn Thị Bình được tính từ ngày 09 đến ngày 18 tháng 6 năm 2009 là 9 ngày (trừ một ngày chủ nhật). Trường hợp này hồ sơ thanh toán cần có giấy khám bệnh của cả 2 con.

2. Mức hưởng chế độ ốm đau quy định tại Điều 10 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Mức trợ cấp khi nghỉ việc do ốm đau:

$$\text{Mức hưởng chế độ ốm đau} = \frac{\text{Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{\text{26 ngày}} \times 100\% \times \text{Số ngày nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau}$$

b) Mức trợ cấp khi nghỉ việc để chăm sóc con ốm:

$$\text{Mức hưởng chế độ chăm sóc con ốm} = \frac{\text{Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{\text{26 ngày}} \times 75\% \times \text{Số ngày nghỉ việc chăm sóc con ốm đau}$$

Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Thị Huệ, trung úy quân nhân chuyên nghiệp, hưởng lương trung cấp nhóm 2, bậc 5/10, hệ số lương 4.40; phụ cấp thâm niên là 14%; nghỉ ốm 6 ngày (từ ngày 15/3/2007 đến 20/3/2007, trong đó có ngày 18/3/2007 là ngày nghỉ hàng tuần theo quy định); do đó, đồng chí Huệ được hưởng trợ cấp ốm đau thay tiền lương trong 05 ngày, mức hưởng trợ cấp ốm đau được tính như sau:

- Tiền lương tháng 02/2007 làm căn cứ đóng bảo hiểm của đồng chí Huệ:

+ Lương cấp hàm có hệ số:	450.000 x 4,40	=	1.980.000đ
+ Phụ cấp thâm niên nghề	1.980.000 x 14%	=	227.200đ
	Cộng	=	2.257.200đ /tháng

- Mức trợ cấp khi nghỉ việc do ốm đau của đồng chí Huệ là:

$$\frac{2.257.200đ}{26 \text{ ngày}} \times 100\% \times 05 \text{ ngày} = 434.076 \text{ đồng}$$

Ví dụ 3: Cũng đối tượng ở ví dụ 2, đồng chí Huệ có con dưới 7 tuổi bị ốm, phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm từ ngày 16/4/2007 đến ngày 22/4/2007 (trong đó có ngày 22/4/2007 là ngày nghỉ hàng tuần theo quy định); do đó, đồng chí Huệ

được hưởng trợ cấp nghỉ việc để chăm sóc con ốm thay tiền lương trong 06 ngày, mức hưởng tính như sau:

$$\frac{2.257.200đ}{26 \text{ ngày}} \text{ x } 75\% \text{ x } 06 \text{ ngày} = 390.669 \text{ đồng}$$

3. Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ quỹ bảo hiểm xã hội từ trên 26 ngày liên tục trở lên (tính theo ngày làm việc) thì thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ ngày thứ 27 trở đi, cả người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội. Thời gian này không được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội.

4.[3] Trường hợp người lao động được cơ quan có thẩm quyền cho phép đi khám, chữa bệnh ở nước ngoài, thì được hưởng chế độ ốm đau quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Hồ sơ hưởng chế độ ốm đau gồm: Sổ bảo hiểm xã hội; giấy xác nhận của cơ sở y tế trong nước về tình trạng bệnh tật và quá trình điều trị; giấy khám, chữa bệnh do cơ sở y tế nước ngoài cấp và giấy xác nhận của người sử dụng lao động về thời gian nghỉ việc để khám, chữa bệnh ở nước ngoài (bao gồm cả ngày đi và về).

5.[4] Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với người lao động sau khi ốm đau quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

Trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ khi người lao động trở lại làm việc sau khi đã hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong năm mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. Thời gian và mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được thực hiện theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

II. CHẾ ĐỘ THAI SẢN

1. Chế độ thai sản được thực hiện đối với quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương, không phân biệt số con, con trong hay con ngoài giá thú, nhận con nuôi sơ sinh hợp pháp dưới 4 tháng tuổi.

---

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục I của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục I của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

2. Điều kiện hưởng chế độ thai sản quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Lao động nữ sinh con và người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 6 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi;

b) Trường hợp sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi trước ngày 15 của tháng, thì tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi không tính vào thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi;

c) Trường hợp sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi từ ngày 15 trở đi của tháng, thì tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi được tính vào thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.

Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Thị Bình, sinh con vào ngày 15/8/2008. Khoảng thời gian 12 tháng trước khi sinh con của đồng chí Bình được tính từ tháng 9/2007 đến tháng 8/2008. Nếu trong khoảng thời gian này đồng chí Bình đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 6 tháng trở lên thì đồng chí Bình được hưởng chế độ thai sản theo quy định.

3. Trường hợp mẹ chết sau khi sinh con thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được hưởng chế độ thai sản quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 13 và Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Trường hợp chỉ có cha tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được nhận trợ cấp thai sản cho đến khi con đủ 4 tháng tuổi, mức trợ cấp được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc, tính theo lương của người cha, do cơ quan người cha chi trả;

b) Trường hợp chỉ có mẹ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được nhận trợ cấp thai sản cho đến khi con đủ 4 tháng tuổi, mức trợ cấp được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc, tính theo lương của người mẹ, do cơ quan người mẹ chi trả;

c) Trường hợp cả cha và mẹ đều tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được tiếp tục nhận trợ cấp thai sản cho đến khi con đủ 4 tháng tuổi, mức trợ cấp thai sản trong thời gian này được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc, tính theo lương của người cha, do cơ quan người cha chi trả.

4. Mức hưởng chế độ thai sản

a) Mức hưởng chế độ thai sản khi nghỉ việc đi khám thai quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP tính theo ngày làm việc, không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần, thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Mức hưởng} = \frac{\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{\text{26 ngày}} \text{ x 100\% x Số ngày nghỉ}$$

b) Mức hưởng chế độ thai sản khi nghỉ việc để sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi được tính theo tháng:

$$\text{Mức hưởng} = \text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc} \times \text{Số tháng nghỉ sinh con hoặc nuôi con nuôi}$$

c) Mức hưởng chế độ thai sản trong các trường hợp đặt vòng tránh thai, triệt sản, sảy thai, nạo hút thai, thai chết lưu tính cả các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần (Phụ lục số 1).

d) Mức hưởng chế độ thai sản trong các trường hợp nêu tại các điểm a, b, c nêu trên được tình bằng 100% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

- Trường hợp người lao động đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 6 tháng thì mức hưởng chế độ thai sản khi đi khám thai, khi sảy thai, nạo hút thai hoặc thai chết lưu, thực hiện các biện pháp tránh thai là mức bình quân tiền lương của các tháng đã đóng bảo hiểm xã hội;

- Trường hợp người lao động hưởng chế độ thai sản khi đi khám thai, khi sảy thai, nạo hút thai hoặc thai chết lưu, thực hiện các biện pháp tránh thai ngay trong tháng đầu tham gia bảo hiểm xã hội, thì lấy mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của chính tháng đó để làm cơ sở tính hưởng chế độ.

Ví dụ 5: Đồng chí Nguyễn Thị Anh đã hưởng chế độ trợ cấp tai nạn lao động một lần, bị suy giảm khả năng lao động 22%, sinh con ngày 05/02/2007, có diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội 6 tháng liền kề trước khi sinh con như sau:

- Từ tháng 8/2006 đến tháng 9/2006: thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp, hệ số lương 3,70; phụ cấp thâm niên nghề 10%;

- Từ tháng 10/2006 đến tháng 01/2007: trung úy quân nhân chuyên nghiệp, hệ số lương 3,95; phụ cấp thâm niên nghề 10%;

Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc của đồng chí Anh được tính như sau:

$$\frac{(450.000 \times 3{,}70 \times 1{,}10 \times 2\text{th}) + (450.000 \times 3{,}95 \times 1{,}10 \times 4\text{th})}{\text{6 tháng}} = 1.914.000 \text{ đ/tháng}$$

Đồng chí Anh được hưởng trợ cấp thai sản trong 6 tháng với mức tiền bằng:

1.914.000 đồng/tháng x 6 tháng = 11.484.000 đồng

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính hưởng chế độ thai sản được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng hưởng chế độ[5].

Ví dụ 6: Đồng chí Thượng úy Trần Thị Thu Trang, Bác sỹ Bệnh viện 198 Bộ Công an, sinh con ngày 10/02/2009, theo quy định đồng chí Trần Thị Thu Trang được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con từ tháng 02/2009 đến tháng 6/2009 (5 tháng). Giả sử tiền lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định từ ngày 01/5/2009 trở đi được điều chỉnh từ 540.000 đồng/tháng lên 650.000 đồng/tháng. Mức hưởng chế độ thai sản khi sinh con của đồng chí Trần Thị Thu Trang được thực hiện như sau:

- Từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 (3 tháng) đồng chí Trần Thị Thu Trang được hưởng chế độ thai sản với mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc và được tính theo mức lương tối thiểu chung là 540.000 đồng/tháng.

- Từ tháng 5/2009 đến tháng 6/2009 (2 tháng) đồng chí Trần Thị Thu Trang được hưởng chế độ thai sản với mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc và được tính theo mức lương tối thiểu chung là 650.000 đồng/tháng.

đ)[6] Trợ cấp một lần đối với lao động nữ khi sinh con hoặc người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, thực hiện như sau:

- Trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng người lao động sinh con hoặc tháng người lao động nhận nuôi con nuôi;

- Trường hợp người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP nhưng không nghỉ việc thì chỉ được hưởng trợ cấp một lần theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

---

[5] Đoạn này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Mục II của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục II của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

e)[7] Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP nếu không hưởng chế độ tiền lương tháng thì người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội. Thời gian này được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Tiền lương được coi là có đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi người lao động nghỉ việc để hưởng chế độ thai sản.

5. Đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con

Nữ quân nhân, nữ công an nhân dân hưởng lương, lao động nữ làm công tác cơ yếu hưởng lương sinh con hoặc trường hợp sau khi sinh con mà con bị chết, có thể đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con khi có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Ngoài tiền lương của những ngày làm việc do người sử dụng lao động trả, những người đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con vẫn được hưởng chế độ thai sản cho đến khi hết thời hạn quy định tại các Điểm a, b, c, và d Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

Ví dụ 7: Đồng chí Anh (ở ví dụ 5), nghỉ thai sản được 86 ngày (từ ngày 05/02/2007 đến ngày 01/5/2007), đồng chí Anh có nguyện vọng và được Thủ trưởng đơn vị đồng ý, quân y đơn vị có xác nhận về việc đi làm sớm không có hại cho sức khỏe. Đồng chí Anh đi làm từ ngày 02/5/2007.

Ngoài tiền lương đơn vị trả, từ tháng 5/2007 đồng chí Anh vẫn được tiếp tục hưởng chế độ thai sản đủ 6 tháng tính từ lúc nghỉ sinh con với mức hưởng 1.914.000 đồng/tháng từ quỹ bảo hiểm xã hội.

6.[8] Đối với những trường hợp người lao động đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thì Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi người lao động sau khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc về cư trú hợp pháp, căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội và quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP để giải quyết trợ cấp thai sản cho đối tượng.

Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Thị Mai, Thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp, phục viên tháng 5/2008, có 10 năm 7 tháng liên tục đóng bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2008

---

[7] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục II của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Mục II của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

đồng chí Nguyễn Thị Mai nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi theo quy định của pháp luật. Đồng chí Nguyễn Thị Mai được Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi cư trú sau khi nghỉ việc chi trả trợ cấp thai sản theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

7.[9] Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi nghỉ thai sản

Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với lao động nữ quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP cụ thể như sau:

Trong khoảng thời gian 30 ngày tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sẩy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP hoặc trong khoảng thời gian 60 ngày tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sinh con quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. Thời gian và mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

III. CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động đối với quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu:

a) Bị tai nạn trong khi làm nhiệm vụ, trong huấn luyện quân sự, trong học tập, công tác, luyện tập thể dục thể thao theo chế độ quy định; bị tai nạn tại nơi làm việc, trong giờ làm việc bao gồm những tai nạn xảy ra trong quá trình lao động gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động, trong thời gian ngừng việc giữa giờ do nhu cầu sinh hoạt đã được chế độ, nội quy quy định như: vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh; tai nạn trong thời gian nghỉ giải lao; tai nạn trong thời gian chuẩn bị kết thúc công việc tại nơi làm việc;

b) Bị tai nạn ngoài nơi làm việc, ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người chỉ huy, bao gồm các công việc gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; bị tai nạn trên đường đi công tác và trở về sau chuyến công tác; bị tai nạn trên đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường mà hàng ngày người lao động vẫn thường xuyên đi và về.

2. Người lao động trong các trường hợp nêu tại Điểm 1 trên nhưng do tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu, do sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện khác, hoặc do làm việc riêng mà bị tai nạn thì không được hưởng chế độ tai nạn lao động.

---

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Mục II của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

3. Đối tượng và điều kiện hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Thời gian làm việc trong môi trường có yếu tố độc hại và thời gian bảo đảm để giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp được quy định khác nhau cho từng loại bệnh, do liên Bộ Y tế - Lao động - Thương binh và xã hội - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định (Phụ lục số 2).

4. Người lao động bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp khi thi hành nhiệm vụ được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp với mức suy giảm khả năng lao động thấp nhất bằng 61%, và được hưởng từ tháng liền kề sau tháng có kết quả xét nghiệm kết luận bị nhiễm HIV/AIDS. Cụ thể như sau:

a) Điều kiện hưởng

Người lao động làm việc trong các cơ sở y tế của Quân đội, Công an, trong các cơ sở khám, chữa bệnh thành lập theo quy định tại Điều 26 của Pháp lệnh xử lý hành chính, hoặc cơ sở cai nghiện ma túy; làm việc tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng hoặc trong khi thi hành công vụ theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

b) Chế độ được hưởng

- Được hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ quỹ bảo hiểm xã hội với mức suy giảm khả năng lao động là 61% mà không phải qua giám định khả năng lao động.

- Khi sức khỏe tiếp tục giảm sút, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề nghị Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an[10] giới thiệu đi giám định mức độ suy giảm khả năng lao động. Trường hợp đã nghỉ việc mà sức khỏe tiếp tục suy giảm thì đối tượng làm đơn đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố giới thiệu đi giám định lại mức độ suy giảm khả năng lao động để giải quyết trợ cấp bệnh nghề nghiệp cho phù hợp.

5.[11] Giám định lại và giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động

---

[10] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ" được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Mục III của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

a) Giám định lại mức suy giảm khả năng lao động

Điều kiện để giám định lại mức suy giảm khả năng lao động quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội.

Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động sau khi thương tật, bệnh tật tái phát được hướng dẫn như sau:

a1) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007:

- Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động dưới 31% thì được hưởng mức trợ cấp một lần theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động trước khi giám định lại	**Mức suy giảm khả năng lao động sau khi giám định lại**	**Mức trợ cấp một lần**
Từ 5% đến 10%	Từ 10% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 10% đến 20%	4 tháng lương tối thiểu chung
	Từ 21% đến 30%	8 tháng lương tối thiểu chung
Từ 11% đến 20%	Từ 20% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 21% đến 30%	4 tháng lương tối thiểu chung
Từ 21% đến 30%	Từ 30% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới

- Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng. Mức hưởng theo bảng quy định tại tiết a2 điểm này.

Ví dụ 9: Đồng chí Trung úy Nguyễn Tuấn Anh bị tai nạn lao động tháng 12/2006 với mức suy giảm khả năng lao động là 25%, đã nhận trợ cấp tai nạn lao động một lần theo quy định tại Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ là 450.000 đồng x 12 tháng = 5.400.000 đồng. Tháng 12/2008 do thương tật tái phát, đồng chí Nguyễn Tuấn Anh được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 32%. Theo quy định, đồng chí Nguyễn Tuấn Anh được chuyển sang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng của nhóm 1 từ tháng 12/2008, mức lương tối thiểu chung tại tháng 12/2008 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Nguyễn Tuấn Anh được hưởng mức trợ cấp hàng tháng là: 540.000 đồng x 0,4 tháng = 216.000 đồng/tháng.

a2) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007, sau khi giám định lại thì tùy thuộc vào kết quả giám định lại mức suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức trợ cấp hàng tháng theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp hàng tháng
Nhóm 1: Từ 31% đến 40%	0,4 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 2: Từ 41% đến 50%	0,6 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 3: Từ 51% đến 60%	0,8 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 4: Từ 61% đến 70%	1,0 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 5: Từ 71% đến 80%	1,2 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 6: Từ 81% đến 90%	1,4 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 7: Từ 91% đến 100%	1,6 tháng lương tối thiểu chung

a3) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần quy định tại Điều 21 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP:

- Sau khi giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động tăng so với trước đó và dưới 31% thì hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần được tính bằng hiệu số giữa mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới với mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động trước đó.

Ví dụ 10: Đồng chí Thượng úy Lê Đăng Bảy, bị tai nạn lao động ngày 14 tháng 6 năm 2007, nằm viện điều trị, đến ngày 20 tháng 7 năm 2007 ra viện về đơn vị tiếp tục công tác. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tháng 5 năm 2007 của đồng chí Lê Đăng Bảy là 3.078.000 đồng, thời gian công tác tính đến tháng 5 năm 2007 là 14 năm 7 tháng. Ngày 14 tháng 9 năm 2007 được Hội đồng giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động 21% và đã được hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần theo quy định tại Nghị định số 68/2008/NĐ-CP. Tháng 02 năm 2009, do thương tật tái phát được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 30%. Giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02 năm 2009 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Lê Đăng Bảy được hưởng trợ cấp một lần như sau:

{5 x 540.000đ + (30-5) x 0,5 x 540.000đ} - {5 x 540.000đ + (21-5) x 0,5 x 540.000đ}

= 12,5 x 540.000 đ - 8 x 540.000 đ

= 2.430.000 đồng.

- Sau khi giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hàng tháng theo hướng dẫn tại Khoản 7 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội đã tính hưởng trợ cấp một lần trước đó.

Ví dụ 11: Cũng trường hợp đồng chí Thượng úy Lê Đăng Bảy nêu tại ví dụ 10. Tháng 02/2009 do thương tật tái phát, đồng chí Lê Đăng Bảy được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 35%. Giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02/2009 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Lê Đăng Bảy được hưởng mức trợ cấp hàng tháng như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới (35%) là:

0,3 x 540.000 đ + (35 - 31) x 0,02 x 540.000 đ

= 162.000 đ + 43.200 đ

= 205.200 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội (được tính đến tháng 5/2007) là:

0,005 x 3.078.000 đ + (14 - 1) x 0,003 x 3.078.000 đ

= 15.390 đ + 120.042 đ

= 135.432 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng của đồng chí Lê Đăng Bảy là:

205.200 đ + 135.432 đ = 340.632 đồng/tháng.

a4) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng quy định tại Điều 22 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động thay đổi thì mức trợ cấp hàng tháng mới được tính theo quy định tại Khoản 7 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là mức hiện hưởng.

Ví dụ 12: Cũng trường hợp đồng chí Thượng úy Lê Đăng Bảy nêu tại ví dụ 10 nhưng mức suy giảm khả năng lao động do Hội đồng giám định y khoa kết luận ngày 14/9/2007 là 31%, đang được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng theo Điều 22 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, trong đó mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội hiện hưởng là 135.432 đồng/tháng. Do thương tật tái phát, tháng 02/2009 đồng chí Lê Đăng Bảy được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 40%. Giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02/2009 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Lê Đăng Bảy được hưởng mức trợ cấp hàng tháng như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới (40%) là:

0,3 x 540.000 đ + (40 - 31) x 0,02 x 540.000 đ

= 162.000 đ + 97.200 đ

= 259.200 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là mức hiện hưởng bằng 135.432 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng của đồng chí Lê Đăng Bảy là:

259.200 đ + 135.432 đ = 394.632 đồng/tháng.

a5) Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động quy định tại điểm này được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa.

b) Giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động

Điều kiện để giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội.

Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động được hướng dẫn như sau:

Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần hoặc hàng tháng mà từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mới thì tùy thuộc vào mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định tổng hợp để giải quyết trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH, trong đó:

b1) Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng ra viện của lần điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng hoặc tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng giám định y khoa nếu không phải điều trị nội trú.

b2) Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội sau khi giám định tổng hợp được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng.

Ví dụ 13: Đồng chí Đặng Văn Hùng, nhân viên Ban Cơ yếu Chính phủ, bị tai nạn lao động tháng 5/2007, mức suy giảm khả năng lao động là 32%, đang được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng theo Điều 22 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Tháng 01/2009 đồng chí Đặng Văn Hùng bị tai nạn lao động lần 2, được điều trị tại bệnh viện. Sau khi điều trị ổn định, tháng 02/2009 được ra viện về đơn vị tiếp tục công tác, tháng 3/2009 được giám định tổng hợp tại Hội đồng giám định y khoa với mức suy giảm khả năng lao động sau khi giám định tổng hợp là 36%. Tính đến tháng 12/2008 đồng chí Đặng Văn Hùng có 15 năm 6 tháng đóng bảo hiểm xã hội, mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội tháng 12/2008 là 2.452.950 đồng (hệ số 3,95; thâm niên nghề 15%), giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02/2009 là 540.000 đồng/tháng, trợ cấp hàng tháng của đồng chí Đặng Văn Hùng sau khi giám định tổng hợp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới (36%) sau khi giám định tổng hợp là:

0,3 x 540.000 đ + (36 - 31) x 0,02 x 540.000 đ

= 162.000 đ + 54.000 đ

= 216.000 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội (tính đến tháng 12/2008) là:

0,005 x 2.452.950 đ + (15 - 1) x 0,003 x 2.452.950 đ

= 12.265 đ + 103.024 đ

= 115.289 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng của đồng chí Đặng Văn Hùng là:

216.000 đ + 115.289 đ = 331.289 đồng/tháng.

c) Thời điểm hưởng trợ cấp

- Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định lại mức suy giảm khả năng lao động được tính kể từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa;

- Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động được tính kể từ tháng người lao động điều trị xong, ra viện của lần điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng hoặc tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng giám định y khoa nếu không phải điều trị nội trú.

d) Trách nhiệm thực hiện

Theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp người lao động, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an[12] có trách nhiệm giới thiệu người lao động đến Hội đồng giám định y khoa để giám định lại hoặc giám định tổng hợp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp".

6. Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần (Phụ lục số 3)

Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP được tính như sau:

$$\text{Mức trợ cấp một lần} = \text{Trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động} + \text{Trợ cấp tính theo thời gian và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội}$$

$$= \{5 \times Lmin + (m - 5) \times 0,5 \times Lmin\} + \{0,5 \times L + (t - 1) \times 0,3 \times L\}$$

[12] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ" được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

Trong đó:

- Lmin: mức lương tối thiểu chung của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- m: mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (lấy số tuyệt đối $5 \le m \le 30$).

- L: mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước tháng nghỉ việc để điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Trường hợp người lao động bị tai nạn lao động ngay trong tháng đầu tham gia bảo hiểm xã hội thì bằng mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của chính tháng đó.

- t: số năm đóng bảo hiểm xã hội, tính đến hết tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, một năm tính đủ 12 tháng.

Ví dụ 14: Đồng chí Trung úy Nguyễn Văn An, bị tai nạn lao động ngày 18/02/2007, hệ số lương 4,60; phụ cấp thâm niên nghề là 12%; tiền lương đóng bảo hiểm xã hội tháng 01/2007 là 2.318.400 đồng, phải điều trị tại bệnh viện, ngày 20/3/2007 được ra viện về đơn vị tiếp tục công tác. Ngày 15/5/2007 Hội đồng Giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động 21%. Tính đến hết tháng 01/2007 đồng chí An có 12 năm 8 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Trợ cấp tai nạn lao động một lần của đồng chí An được tính như sau:

- Trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động

= 5 x 450.000 đ + (21 - 5) x 0,5 x 450.000 đ = 5.850.000 đồng.

- Trợ cấp theo số năm và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội

= 0,5 x 2.318.400 đ + (12 - 1) x 0,3 x 2.318.400 đ = 8.809.920 đồng.

- Mức trợ cấp tai nạn lao động một lần của đồng chí An là:

5.850.000 đồng + 8.809.920 đồng = 14.659.920 đồng.

7. Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng (Phụ lục số 4)

a) Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng quy định tại Điều 22 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP được tính như sau:

Mức trợ cấp hàng tháng	=	Trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động	+	Trợ cấp tính theo số năm và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội

= {0,3 x Lmin + (m - 31) x 0,02 x Lmin} + {0,005 x L + (t - 1) x 0,003 x L}

Trong đó:

- Lmin: mức lương tối thiểu chung của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- m: mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (lấy số tuyệt đối $31 \le m \le 100$).

- L: mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước tháng nghỉ việc để điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Trường hợp người lao động bị

tai nạn lao động ngay trong tháng đầu tham gia bảo hiểm xã hội thì bằng mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của chính tháng đó.

- t: số năm đóng bảo hiểm xã hội, tính đến hết tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; một năm tính đủ 12 tháng.

b) Tiền lương tối thiểu và tiền lương của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị trong các công thức tính trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần hoặc hàng tháng là tính tại thời điểm của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, hoặc tháng liền kề trước tháng giám định y khoa đối với trường hợp bị bệnh nghề nghiệp không nằm viện điều trị.

Ví dụ 15: Cũng trường hợp đồng chí Nguyễn Văn An nêu tại ví dụ 14, giả sử được Hội đồng Giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động 41%. Mức trợ cấp hàng tháng được tính như sau:

- Trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động

0,3 x 450.000 đ + (41 - 31) x 0,02 x 450.000 đ = 225.000 đồng/tháng.

- Trợ cấp tính theo số năm và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội

= 0,005 x 2.318.400đ + (12 - 1) x 0,003 x 2.318.400đ = 88.099 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng của đồng chí An là:

225.000 đồng/tháng + 88.099 đồng/tháng = 313.099 đồng/tháng.

Ví dụ 16: Đồng chí Trần Văn Tuấn nhân viên Ban Cơ yếu Chính phủ, hệ số lương 3,95; bị tai nạn lao động tháng 9/2006, có 15 năm 3 tháng đóng bảo hiểm xã hội, vào viện điều trị ba lần và ra viện cuối tháng 5/2007; giám định y khoa bị suy giảm khả năng lao động 33%.

Mức trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng của đồng chí Tuấn tính theo lương tối thiểu chung tại thời điểm tháng 8/2006, sau đó nhân với hệ số điều chỉnh lương tối thiểu chung áp dụng từ tháng 10/2006 (theo quy định tại Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung) là 1,286; thời điểm được hưởng từ tháng 5/2007 (tháng ra viện).

- Trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động

= 0,3 x 350.000 đ + (33 - 31) x 0,02 x 350.000 đ = 119.000 đồng/tháng.

- Trợ cấp tính theo số năm và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội

= 0,005 x 1.382.500 đ + (15 - 1) x 0,003 x 1.382.500 đ = 64.977 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hàng tháng tính theo lương tháng 8/2006 ứng với lương tối thiểu là 350.000 đ/tháng:

119.000 đồng + 64.977 đồng = 183.977 đồng/tháng.

Mức trợ cấp hàng tháng của đồng chí Tuấn được điều chỉnh theo lương tối thiểu áp dụng từ tháng 10/2006 là 450.000 đ/tháng:

183.977 đồng x 1,286 = 236.594 đồng/tháng.

8.[13] Cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình

Việc cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Điều 24 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thực hiện như sau:

Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì tùy theo tình trạng thương tật, bệnh tật được cấp tiền để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình theo chỉ định tại các cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc của bệnh viện cấp tỉnh, thành phố trở lên (gọi tắt là cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng), cụ thể như sau:

a) Chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình

a1) Đối với người bị cụt chân, cụt tay, bị liệt

- Người bị cụt chân được cấp tiền để mua chân giả, niên hạn là 3 năm (nếu cư trú ở miền núi, vùng cao thì niên hạn là 2 năm); mỗi năm được cấp thêm 170.000 đồng để mua các vật phẩm phụ;

- Người bị mất cả bàn chân hoặc nửa bàn chân không có khả năng lắp chân giả hoặc bị ngắn chân, bàn chân bị lệch vẹo được cấp tiền để mua một đôi giầy chỉnh hình hoặc một đôi dép chỉnh hình, niên hạn là 2 năm;

- Người bị cụt tay được cấp tiền để mua tay giả, niên hạn là 5 năm; mỗi năm được cấp thêm 60.000 đồng để mua các vật phẩm phụ;

- Người bị liệt toàn thân hoặc liệt nửa người hoặc liệt 2 chân hoặc cụt cả 2 chân không còn khả năng tự di chuyển thì được cấp tiền một lần để mua một chiếc xe lăn hoặc xe lắc; mỗi năm được cấp thêm 300.000 đồng để bảo trì phương tiện.

Mức tiền được cấp để mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình thực hiện theo Bảng giá phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình trong Phụ lục kèm theo Thông tư này.

a2) Đối với người bị hỏng mắt, gãy răng, bị điếc

- Người bị hỏng mắt được cấp tiền một lần để lắp mắt giả theo chứng từ thực tế của cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng nơi điều trị;

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục III của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

- Người bị gãy răng được cấp tiền để làm răng giả với mức giá 1.000.000 đồng/1 răng, niên hạn là 5 năm;

- Người bị điếc cả 2 tai được cấp 500.000 đồng để mua máy trợ thính, niên hạn là 3 năm.

b) Chế độ thanh toán tiền tàu, xe

Người lao động quy định tại điểm a nêu trên được thanh toán một lần tiền tàu, xe đi và về theo giá quy định của nhà nước với phương tiện giao thông phổ thông từ nơi cư trú hoặc từ nơi làm việc đến cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng gần nhất.

c) Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an[14]

- Cấp giấy giới thiệu tới các cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng cho người đang trực tiếp quản lý, thuộc diện được trang cấp đi làm các phương tiện phù hợp với chức năng bị tổn thương;

- Cấp tiền mua các phương tiện được trang cấp và tiền cấp thêm theo quy định tại Điểm a nêu trên; thanh toán tiền tàu xe đi lại theo quy định tại Điểm b nêu trên.

9. Chế độ đối với người lao động đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng khi nghỉ việc được quy định cụ thể như sau:

a) Nếu đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, thì được hưởng cả trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng.

b) Nếu không đủ điều kiện hưởng hưu trí hàng tháng, thì ngoài việc được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, còn được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, hoặc có nguyện vọng thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội; đồng thời được hưởng bảo hiểm y tế do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm.

10.[15] Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

---

[14] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ" được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Mục III của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, thực hiện như sau:

Trong khoảng thời gian 60 ngày, tính từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa mà sức khỏe còn yếu thì người lao động được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. Thời gian và mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 28 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

11.[16] Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tính từ tháng người lao động điều trị xong, ra viện. Trường hợp người lao động bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp không xác định được thời điểm điều trị xong, ra viện hoặc trong giấy ra viện còn có chỉ định hẹn khám lại, hẹn tháo bột, tháo nẹp, tháo vít, nếu không có giấy ra viện sau khám lại, sau tháo bột, tháo nẹp, tháo vít, đã chứng nhận sức khỏe ổn định tiếp tục công tác của cơ sở y tế, thì thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng được tính từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

IV. CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

1. Người lao động quy định tại Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP được cộng dồn các khoảng thời gian để giải quyết chế độ hưu trí, cụ thể như sau:

a) Thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên mà bị ngắt quãng thì được cộng dồn;

b) Thời gian là quân nhân, công an nhân dân và làm công tác cơ yếu được cộng dồn để giải quyết chế độ hưu trí theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

2. Cách tính mức lương hưu hàng tháng và mức hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Mức lương hưu hàng tháng tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội và mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội: 15 năm đầu đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 45%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì được tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ, mức tối đa bằng 75%;

---

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

b) Mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu đối với nam có trên 30 năm, nữ có trên 25 năm đóng bảo hiểm xã hội: từ năm thứ 31 trở đi đối với nam và từ năm thứ 26 trở đi đối với nữ, cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 0,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội;

c) Thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP như sau: dưới 3 tháng đóng bảo hiểm xã hội thì không được tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính bằng nửa mức hưởng của một năm bảo hiểm xã hội, từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính bằng mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 17: Đồng chí Nguyễn Văn Ba, có 29 năm 3 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ lương hưu hàng tháng của đồng chí Ba được tính như sau:

- 29 năm = 73%;

- 03 tháng tính bằng mức hưởng của nửa (1/2) năm đóng bảo hiểm xã hội: 2% x 0,5 = 1%; do đó, tỷ lệ % lương hưu của đồng chí Ba là: 73% + 1% = 74%.

Ví dụ 18: Đồng chí Hoàng Thị Mai, Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp, có 25 năm 10 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Trợ cấp một lần của đồng chí Mai khi nghỉ hưu được tính như sau: 25 năm 10 tháng - 25 năm = 10 tháng.

10 tháng tính bằng một năm đóng bảo hiểm xã hội và mức hưởng trợ cấp một lần bằng mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội, tức là bằng 0,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 19: Đồng chí Trần Văn Lực, Đại tá, có đủ 43 năm đóng bảo hiểm xã hội. Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu của đồng chí Lực được tính như sau:

0,5 tháng x (43-30) năm = 6,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH.

3. Đối với người nghỉ hưu khi suy giảm khả năng lao động quy định tại Điều 30 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP thì cách tính trừ tỷ lệ % lương hưu cụ thể như sau:

a) Người nghỉ hưu bị suy giảm khả năng lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định 68/2007/NĐ-CP: mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi 55 đối với nam và tuổi 50 đối với nữ quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thì tỷ lệ hưởng lương giảm đi 1%;

b) Người nghỉ hưu theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP: mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi 50 đối với nam và tuổi 45 đối với nữ quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thì tỷ lệ hưởng lương hưu giảm đi 1%;

c) Việc trừ tỷ lệ % lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi: cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi (năm tính theo lịch) thì giảm 1% lương hưu. Trường hợp tuổi nghỉ hưu có tháng lẻ thì được tính tròn như một năm tuổi.

Ví dụ 20: Đồng chí Phạm Văn Hòa, cấp bậc Đại úy QNCN, nhân viên sửa chữa máy thông tin, có đủ 24 năm đóng bảo hiểm xã hội trong Quân đội; đồng chí Hòa bị suy giảm khả năng lao động 61%, nghỉ việc hưởng lương hưu khi 51 năm 02 tháng tuổi đời.

Tỷ lệ % hưởng lương hưu hàng tháng cùa đồng chí Hòa được tính như sau:

- 24 năm tròn đóng bảo hiểm xã hội: tính bằng 63% lương bình quân.

- Suy giảm khả năng lao động 61% nghỉ việc hưởng lương hưu khi có 51 năm 02 tháng tuổi đời, tính tròn là 52 tuổi, tỷ lệ phần trăm lương hưu bị trừ:

(55 tuổi - 52 tuổi) x 1% = 3%.

- Tỷ lệ % lương hưu hàng tháng của đồng chí Hòa là: 63% - 3% = 60%.

4. Người lao động khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, người lao động bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu hàng tháng thì được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần quy định tại Điều 32 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Đối với hạ sỹ quan, binh sỹ hưởng phụ cấp thì thời gian đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội thực hiện như sau:

a) Hạ sỹ quan, binh sỹ phục vụ tại ngũ có thời hạn rồi xuất ngũ ngay thì thời gian đóng bảo hiểm xã hội ứng với thời gian phục vụ tại ngũ để tính hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, hoặc bảo lưu trên sổ bảo hiểm xã hội chỉ tính từ khi Luật Bảo hiểm xã hội có hiệu lực thi hành (từ tháng 01/2007 trở đi);

b) Hạ sỹ quan, binh sỹ phục vụ tại ngũ sau đó chuyển tiếp sang diện hưởng lương (sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng hoặc sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân viên chức công an nhân dân) thì thời gian đóng bảo hiểm xã hội ứng với thời gian thực tế phục vụ tại ngũ để tính hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu trên sổ bảo hiểm xã hội được tính từ khi nhập ngũ.

Ví dụ 21: Đồng chí Võ Văn Huân, sinh năm 1974, nhập ngũ vào Công an tỉnh An Giang tháng 02/1995; Thiếu úy lái xe; tháng 12/2007 xuất ngũ, có 12 năm 10 tháng đóng BHXH. Mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội khi xuất ngũ của đồng chí Huân cụ thể như sau:

- Từ tháng 12/2001 đến tháng 11/2003 là 24 tháng, hệ số lương cũ 2,30 chuyển đổi lương mới là 3,20; thâm niên nghề 8%:

450.000 đồng x 3,20 x 1,08 x 24 tháng = 37.324.800 đồng

- Từ tháng 12/2003 đến tháng 11/2006 là 36 tháng, trong đó từ tháng 12/2003 đến tháng 9/2004 có hệ số cũ 2,50, chuyển đổi hệ số lương mới cả quá trình là 3,45; thâm niên nghề 11%:

450.000 đồng x 3,45 x 1,11 x 36 tháng = 62.037.900 đồng.

- Từ tháng 12/2006 đến tháng 11/2007 là 12 tháng hệ số lương 3,70; thâm niên nghề 12%:

450.000 đồng x 3,70 x 1,12 x 12 tháng = 22.377.600 đồng.

Vì đồng chí Huân nhập ngũ tháng 02/1995 (trong giai đoạn từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2000) nên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thì lương bình quân để tính trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần cho đồng chí Huân tính theo 6 năm cuối (72 tháng) trước khi xuất ngũ:

$$\frac{37.324.800đ + 62.037.900đ + 22.377.600đ}{72 \text{ tháng}} = 1.690.837 \text{ đồng/tháng.}$$

Mức trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần trước khi xuất ngũ của đồng chí Huân như sau:

- 12 năm: 1.690.837 đ x 12 năm x 1,5 tháng = 30.435.066 đồng.

- 10 tháng lẻ tính bằng 1 năm: 1.690.837đ x 1,5 tháng = 2.536.255 đồng.

Tổng mức trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần khi xuất ngũ của đồng chí Huân là: 30.435.066 đồng + 2.536.255 đồng = 32.971.321 đồng.

Ví dụ 22: Đồng chí Hoàng Văn Sơn, nhập ngũ 02/2006 theo Luật Nghĩa vụ quân sự, tháng 8/2007 xuất ngũ. Đồng chí Sơn được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần khi xuất ngũ với thời gian từ tháng 01/2007 đến tháng 7/2007 là 7 tháng, tính hưởng bằng 01 năm:

01 năm được hưởng 1,5 tháng LTT = 450.000 đồng x 1,5 = 675.000 đồng.

5.[17] Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2013/NĐ-CP như sau:

a)[18] Trong thời gian bảo lưu, nếu tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội thì được cộng tiếp thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bao gồm cả thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và

---

[17] Tên Khoản này được sửa đổi, bổ sung và thay thế theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung và thay thế theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực

thời gian đóng bảo hiểm tự nguyện và được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định đối với từng đối tượng tại thời điểm giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội;

Ví dụ 23: Đồng chí Phạm Thị Lan, Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp, đã phục viên, bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc 16 năm 5 tháng; sau đó có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện 4 năm. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội làm cơ sở tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định khi đồng chí Lan đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí là: 16 năm 5 tháng + 4 năm = 20 năm 5 tháng.

b) Trong thời gian bảo lưu, nếu có nguyện vọng được nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi đối tượng cư trú hợp pháp căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội để chi trả trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần;

c) Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, và trong thời gian bảo lưu không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội nữa, thì khi đủ tuổi đời quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP được hưởng lương hưu hàng tháng, do Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi cư trú hợp pháp giải quyết;

d) Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong thời gian bảo lưu không tiếp tục làm việc và đóng bảo hiểm xã hội, nếu bị ốm đau, tai nạn rủi ro mà bị suy giảm khả năng lao động, có nguyện vọng thì làm đơn đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi cư trú hợp pháp giới thiệu đi giám định y khoa về mức độ suy giảm khả năng lao động, nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì:

- Trường hợp đủ 50 tuổi đời với nam và 45 tuổi đời với nữ mà làm việc trong điều kiện lao động bình thường thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Thời điểm nhận lương hưu hàng tháng được hưởng từ tháng đồng thời có đủ các yếu tố theo quy định về tuổi đời và kết luận của Hội đồng Giám định y khoa.

- Trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trở lên thuộc danh mục nghề, công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành, thì được nghỉ hưu theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, không phụ thuộc vào tuổi đời. Thời điểm nhận lương hưu hàng tháng được hưởng từ tháng có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa.

---

hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

đ) Trong thời gian bảo lưu mà bị chết thì được hưởng chế độ tử tuất quy định tại Mục 5, Chương II Nghị định số 68/2007/NĐ-CP và Mục V - Phần A của Thông tư này, do Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi cư trú hợp pháp giải quyết;

e) Trong thời gian bảo lưu không được hưởng chế độ ốm đau, chế độ thai sản; trừ trường hợp sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP;

g) Các trường hợp bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội, khi giải quyết chế độ hưu trí, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, trợ cấp tuất một lần thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được tính theo mức lương tối thiểu chung tại thời điểm giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 24: Đồng chí Phạm Thị Lan, sinh tháng 9/1957, Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên bảo mật, phục viên tháng 7/2007, thời gian bảo lưu là 20 năm 10 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội. Từ tháng 10/2008 đến 12/2012 là công nhân hợp đồng có đóng bảo hiểm xã hội thuộc Công ty may 10, tháng 01/2013 đồng chí Lan nghỉ việc và được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ. Thời gian đóng bảo hiểm của đồng chí Lan là:

20 năm 10 tháng + 4 năm 3 tháng = 25 năm 01 tháng.

6. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc quy định tại Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thực hiện như sau:

Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tính mức bình quân tiền lương tháng trước khi nghỉ việc được tính theo công thức sau:

a) Đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội trước ngày 01/01/1995

$$\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 60 tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc}}{\text{60 tháng}}$$

b) Đối với người lao động bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/1995 đến ngày 31/12/2000

$$\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 72 tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc}}{\text{72 tháng}}$$

c) Đối với người lao động bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2001 đến ngày 31/12/2006

$$\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 96 tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc}}{\text{96 tháng}}$$

d) Đối với người lao động bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2007 trở đi

$$\text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 120 tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc}}{\text{120 tháng}}$$

đ) Tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trong các công thức quy định tại các điểm a, b, c, d nêu trên là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung đã thực sự hưởng và đóng bảo hiểm xã hội (nếu có). Khi tính bình quân tiền lương này được điều chỉnh theo chế độ tiền lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và quy định về tiền lương tối thiểu chung tại thời điểm hưởng lương hưu hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Ví dụ 25: Đồng chí Phan Văn Hoàng, Đại tá chuyên viên chính Tổng cục 5 - Bộ Công an, vào Công an nhân dân tháng 3/1967, có 40 năm 01 tháng thâm niên trong ngành công an, nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ tháng 4/2007: mức bình quân tiền lương tháng trước khi nghỉ hưu của đồng chí Hoàng cụ thể như sau:

- Từ tháng 4/2002 đến tháng 7/2004 là 28 tháng, hệ số lương cũ 5,90; thâm niên nghề 37%; chuyển sang hệ số lương mới là 7,30; thâm niên nghề 37%:

450.000 đồng x 7,30 x 1,37 x 28 tháng = 126.012.600 đồng.

- Từ tháng 8/2004 đến tháng 3/2007 là 32 tháng, trong đó từ tháng 8/2004 đến 9/2004 hệ số lương cũ 6,50; chuyển sang hệ số lương mới cả quá trình 8,0; thâm niên nghề 40%:

450.000 đồng x 8,0 x 1,40 x 32 tháng = 161.280.000 đồng.

Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của đồng chí Hoàng là:

$$\frac{\text{126.012.600 đồng + 161.280.000 đồng}}{\text{60 tháng}} = \text{4.788.210 đồng/tháng.}$$

Ví dụ 26: Đồng chí Hoàng Văn Dương, sinh năm 1957, nhân viên cơ yếu (hưởng lương sơ cấp nhóm 1) thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, vào ngành cơ yếu tháng 6/1977; nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ tháng 6/2007, có 30 năm phục vụ trong ngành cơ yếu, mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội trước khi nghỉ hưu của đồng chí Dương cụ thể như sau:

- Từ tháng 6/2002 đến tháng 8/2004 là 27 tháng, hệ số lương cũ 4,20; chuyển sang hệ số lương mới 5,45; thâm niên nghề 27%:

450.000 đồng x 5,45 x 1,27 x 27 tháng = 84.096.225 đồng.

- Từ tháng 9/2004 đến tháng 8/2005 là 12 tháng, trong đó tháng 9/2004 hệ số lương cũ 4,20; chuyển sang lương mới cả quá trình là 5,45; thâm niên nghề 28%; phụ cấp thâm niên vượt khung 5%:

450.000 đồng x 5,45 x 1,05 x 1,28 x 12 tháng = 39.553.920 đồng.

- Từ tháng 9/2005 đến tháng 8/2006 là 12 tháng, hệ số 5,45; thâm niên nghề 29%; thâm niên vượt khung 6%:

450.000 đồng x 5,45 x 1,06 x 1,29 x 12 tháng = 40.242.582 đồng.

- Từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2007 là 9 tháng; hệ số lương 5,45; thâm niên nghề 29%; thâm niên vượt khung 7%:

450.000 đồng x 5,45 x 1,07 x 1,29 x 9 tháng = 30.466.671 đồng.

Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của đồng chí Dương trong 5 năm cuối là:

$$\frac{84.096.225đ + 39.553.920đ + 40.242.582đ + 30.466.671đ}{60 \text{ tháng}} = 3.239.323 \text{ đồng/tháng.}$$

e)[19] Trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, người lao động có từ hai giai đoạn trở lên thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì việc tính bình quân tiền lương ở khu vực nhà nước được tính theo quy định tại các điểm a, b, c và d nêu trên phụ thuộc vào thời điểm đầu tiên người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Ví dụ 27: Đồng chí Trung úy CN Mai Thị Hồng, có diễn biến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội như sau:

- Từ tháng 02/1994 đến tháng 12/2003 là giáo viên trường trung học cơ sở;

- Từ tháng 01/2004 nghỉ việc không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trước đó (9 năm 11 tháng);

- Tháng 9/2006 được tuyển dụng vào đơn vị quân đội, chuyển xếp lương trung cấp nhóm 1, bậc 3, hệ số lương 4,10, phiên quân hàm Trung úy CN.

---

[19] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Mục IV của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

Như vậy, sau này khi giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu hoặc trợ cấp một lần khi phục viên được tính bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi đồng chí Mai Thị Hồng nghỉ hưu hoặc phục viên (do thời điểm đầu tiên đồng chí Hồng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là vào tháng 02/1994.

7. Trường hợp người lao động vừa có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, vừa có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quy định, được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định} + \text{Tổng số tiền lương, tiền công của các tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quy định}}{\text{Tổng số tháng đóng bảo hiểm}}$$

Trong đó:

$$\text{Tổng số tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định} = \text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội (quy định tại các điểm a, b, c, và d Khoản 8 này)} \times \text{Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định}$$

8.[20] Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đã chuyển sang ngạch công chức, viên chức quốc phòng, công an, cơ yếu hoặc chuyển ngành sang làm việc trong biên chế tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc chuyển ngành đi học hoặc chuyển ngành sang doanh nghiệp nhà nước, thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định rồi mới nghỉ hưu quy định tại Khoản 7 Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2013/NĐ-CP thì cách tính lương hưu thực hiện như sau:

a) Trường hợp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành sang các ngành nghề không được hưởng phụ cấp thâm niên nghề và trong tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu không có phụ cấp thâm niên nghề thì được lấy mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung và thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu, cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên nghề (nếu đã được hưởng) tính theo thời gian phục vụ tại ngũ của mức lương sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân hoặc của sĩ quan, hạ sĩ quan công an nhân dân hoặc phụ cấp thâm niên nghề tính theo thời gian làm việc trong tổ chức cơ yếu tại thời điểm liền kề trước khi chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu để làm cơ sở tính lương hưu.

b) Trường hợp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành sang các ngành nghề được hưởng phụ cấp thâm niên nghề và trong tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu đã có phụ cấp thâm niên nghề thì mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 6, Khoản 7 Mục IV Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH. Thời gian được tính thâm niên nghề làm cơ sở tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng lương hưu là tổng thời gian làm việc trong các ngành nghề được hưởng phụ cấp thâm niên nghề (có đóng bảo hiểm xã hội); nếu không liên tục thì được cộng dồn; thời gian làm việc được tính hưởng nhiều loại thâm niên nghề cùng một lúc thì chỉ được tính hưởng một loại thâm niên nghề;

c) Trường hợp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành sang các ngành nghề không được hưởng phụ cấp thâm niên nghề và trong tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu không có phụ cấp thâm niên nghề, sau đó lại chuyển sang các ngành nghề được hưởng phụ cấp thâm niên nghề và trong tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu đã có phụ cấp thâm niên nghề, hoặc ngược lại thì căn cứ vào ngành nghề mà quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu công tác cuối cùng trước khi nghỉ hưu (ngành nghề có được hưởng phụ cấp thâm niên nghề hoặc ngành nghề không được hưởng phụ cấp thâm niên nghề) để tính mức lương hưu theo Điểm a hoặc Điểm b Khoản này;

d) Trường hợp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đã chuyển ngành rồi nghỉ hưu mà khi nghỉ hưu có mức lương hưu tính theo Điểm a, Điểm b Khoản này thấp hơn mức lương hưu tính theo mức lương bình quân của quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu tại thời điểm chuyển ngành thì được lấy mức bình quân tiền lương tháng tại thời điểm chuyển ngành và được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu để làm cơ sở tính lương hưu.

Ví dụ 28: Đồng chí Nguyễn Đình Ân, sinh tháng 5/1955, Đại úy, nguyên trợ lý thuộc Tổng cục Chính trị, có 14 năm 10 tháng được tính thâm niên nghề, chuyển ngành sang làm Chuyên viên thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/6/2015; có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 37 năm. Đồng chí Ân có diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối như sau (giả sử tiền lương cơ sở tại thời điểm tháng 6/2015 là 1.150.000 đồng/tháng).

- Từ tháng 6/2010 đến tháng 5/2013 = 36 tháng, hệ số lương là 6,04:

1.150.000 đồng x 6,04 x 36 tháng = 250.056.000 đồng.

- Từ tháng 6/2013 đến tháng 5/2015 = 24 tháng, hệ số lương là 6,38:

1.150.000 đồng x 6,38 x 24 tháng = 176.088.000 đồng.

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối để làm cơ sở tính lương hưu của đồng chí Ân là:

$$\frac{250.056.000 \text{ đồng} + 176.088.000 \text{ đồng}}{60 \text{ tháng}} = 7.102.400 \text{ đồng/tháng.}$$

- Phụ cấp thâm niên nghề của đồng chí Ân trước khi chuyển ngành được cộng vào mức bình quân tiền lương tháng làm cơ sở tính lương hưu như sau:

Đại úy có hệ số lương quân hàm bằng 5,40; phụ cấp thâm niên nghề được tính là 14%:

1.150.000 đồng x 5,40 x 14% = 869.400 đồng.

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính lương hưu là:

7.102.400 đồng + 869.400 đồng = 7.971.800 đồng.

- Lương hưu hàng tháng của đồng chí Ân là:

7.971.800 đồng x 75% = 5.978.850 đồng/tháng.

Ví dụ 29: Đồng chí Lê Xuân Quang, sinh tháng 5/1955, Thiếu tá, nguyên trợ lý thuộc Bộ đội Biên phòng, có 21 năm được tính thâm niên nghề, tháng 6/1999 chuyển ngành ra làm kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/6/2015; có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 37 năm 01 tháng. Đồng chí Quang có diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối như sau (giả sử tiền lương cơ sở tại thời điểm tháng 6/2015 là 1.150.000 đồng/tháng).

- Thời gian được tính thâm niên nghề của đồng chí Quang là:

21 năm (trong Quân đội) + 16 năm (Viện Kiểm sát nhân dân) = 37 năm.

+ Từ tháng 6/2010 đến tháng 5/2013 = 36 tháng, hệ số lương là 6,44; thâm niên nghề là 35 %:

1.150.000 đồng x 6,44 x 1,35 x 36 tháng = 359.931.600 đồng.

+ Từ tháng 6/2013 đến tháng 5/2015 = 24 tháng, hệ số lương là 6,78; thâm niên nghề là 37 %:

1.150.000 đồng x 6,78 x 1,37 x 24 tháng = 256.365.360 đồng.

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối để làm cơ sở tính lương hưu của đồng chí Quang là:

$$\frac{359.931.600 \text{ đồng} + 256.365.360 \text{ đồng}}{60 \text{ tháng}} = 10.271.616 \text{ đồng/tháng.}$$

- Lương hưu hàng tháng của đồng chí Quang là:

10.271.616 đồng/tháng x 75% = 7.703.712 đồng/tháng.

Ví dụ 30: Đồng chí Trần Xuân Thắng, sinh ngày 15/5/1955, nhập ngũ 6/1979, Đại úy, nguyên trợ lý thuộc Quân khu 1 có 21 năm 01 tháng tuổi quân, được tính thâm niên nghề 21%, tháng 7/2000 chuyển ngành sang làm kiểm sát viên thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, tháng 5/2002 chuyển sang công tác ở Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên (không có phụ cấp thâm niên nghề), tháng 3/2009 lại sang làm kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân, đồng chí Thắng được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/6/2015. Diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối như sau (giả sử tiền lương cơ sở tại thời điểm tháng 01/6/2015 là 1.150.000 đồng/tháng).

- Thời gian được tính thâm niên nghề của đồng chí Thắng là:

21 năm (trong Quân đội) + 08 năm (Viện Kiểm sát nhân dân) = 29 năm.

+ Từ tháng 6/2010 đến tháng 5/2013 = 36 tháng; hệ số 6,44; thâm niên 27%:

1.150.000 đồng x 6,44 x 1,27 x 36 tháng = 338.602.320 đồng.

+ Từ tháng 6/2013 đến tháng 5/2015 = 24 tháng; hệ số 6,78; thâm niên 29%:

1.150.000 đồng x 6,78 x 1,29 x 24 tháng = 241.395.120 đồng.

+ Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối để làm cơ sở tính lương hưu của đồng chí Thắng là:

$$\frac{338.602.320 \text{ đồng} + 241.395.120 \text{ đồng}}{60 \text{ tháng}} = 9.666.624 \text{ đồng/tháng.}$$

- Lương hưu hàng tháng của đồng chí Thắng là:

9.666.624 đồng/tháng x 75% = 7.249.968 đồng/tháng.

Ví dụ 31: Đồng chí Hoàng Đình Dũng, sinh tháng 4/1955, Trung tá, nguyên trợ lý thuộc Binh chủng Thông tin, có 25 năm 7 tháng được tính thâm niên nghề, tháng 8/2000 chuyển ngành ra làm chuyên viên Văn phòng Chính phủ, có 40 năm 4 tháng đóng bảo hiểm xã hội, nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/5/2015. Đồng chí Hoàng Đình Dũng có diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối trước khi chuyển ngành và trước khi nghỉ hưu như sau (giả sử tiền lương cơ sở tại thời điểm tháng 5/2015 là 1.150.000 đồng).

- Trước khi chuyển ngành:

+ Từ tháng 9/1995 đến tháng 7/1999 = 47 tháng, quân hàm Thiếu tá, hệ số lương 6,0; thâm niên nghề 24%:

1.150.000 đồng x 6,0 x 1,24 x 47 tháng = 402.132.000 đồng.

+ Từ tháng 8/1999 đến tháng 8/2000 = 13 tháng, quân hàm Trung tá, hệ số lương 6,6; thâm niên nghề 25%:

1.150.000 đồng x 6,6 x 1,25 x 13 tháng = 123.337.500 đồng.

+ Mức bình quân tiền lương trước khi chuyển ngành là:

$$\frac{\text{402.132.000 đồng + 123.337.500 đồng}}{\text{60 tháng}} = \text{8.757.825 đồng/tháng.}$$

- Trước khi nghỉ hưu:

+ Giả sử mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội trước nghỉ hưu của đồng chí Hoàng Đình Dũng là: 6.000.000 đồng/tháng.

+ Phụ cấp thâm niên nghề trước khi chuyển ngành là:

1.150.000 x 6,6 x 25% = 1.897.500 đồng.

Tổng cộng: 6.000.000 đồng + 1.897.500 đồng = 7.897.500 đồng/tháng.

Như vậy, mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu của đồng chí Dũng tại thời điểm nghỉ hưu thấp hơn mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành. Do đó, đồng chí Hoàng Đình Dũng được lấy mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành là 8.757.825 đồng/tháng làm cơ sở tính lương hưu.

9. Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu nếu còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa không quá 6 tháng đủ điều kiện hưu trí thì được đóng bảo hiểm xã hội một lần cho những tháng còn thiếu, để giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng khi nghỉ việc theo quy định tại Điều 29, Điều 30 và Khoản 7 Điều 50 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP cho các trường hợp sau:

a) Đủ 55 tuổi đối với nam và đủ 50 tuổi đối với nữ nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội;

b) Đủ 50 tuổi đối với nam và đủ 45 tuổi đối với nữ và đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trở lên; hoặc đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội;

c) Đủ 5 năm tuổi quân hoặc 5 năm thâm niên nghề trở lên (không phụ thuộc vào tuổi đời) nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ thời gian phục vụ trong quân đội, công an, cơ yếu 25 năm đối với nam và 20 năm đối với nữ;

d) Đủ 50 tuổi đối với nam và đủ 45 tuổi đối với nữ bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội;

đ) Đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, bị suy giảm khả năng lao động 61% trở lên, không phụ thuộc vào tuổi đời nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội;

e) Bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thi hành nhiệm vụ, còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội;

g) Mức đóng bảo hiểm xã hội một lần cho những tháng còn thiếu (không quá 6 tháng) vào quỹ hưu trí, tử tuất thực hiện theo quy định cụ thể tại Điểm 2, Phần B Thông tư này.

Ví dụ 32: Đồng chí Đỗ Thị Hải, sinh tháng 5/1960, nhân viên mã hóa, thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ. Tháng 5/2010 cơ quan cho nghỉ việc với 19 năm 7 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Đồng chí Hải có nguyện vọng đóng tiếp bảo hiểm xã hội 5 tháng cho đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng chế độ hưu trí. Khi đó, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng đồng ý cho đồng chí Hải đóng bảo hiểm xã hội bằng (6% + 12%) x 5 tháng theo mức tiền lương tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc (tháng 4/2010). Từ tháng 5/2010 đồng chí Hải (đủ 50 năm tuổi đời) được hưởng lương hưu hàng tháng.

10.[21] Đối với những trường hợp người lao động bị kết án tù giam từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 trở đi hoặc xuất cảnh trái phép hoặc bị tòa án tuyên bố là mất tích, sau khi chấp hành xong án phạt tù giam hoặc về nước định cư hợp pháp hoặc được tòa án tuyên bố mất tích trở về, nếu chưa được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trước đó thì cơ quan, đơn vị cũ có trách nhiệm báo cáo Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an[22] cấp sổ bảo hiểm xã hội (nếu chưa được cấp sổ bảo hiểm xã hội) và giải quyết chế độ hưu trí hoặc chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu thời gian công tác trước đó, giới thiệu về Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi cư trú hợp pháp tiếp nhận và giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

---

[21] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục IV của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

[22] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ" được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

11.[23] Người lao động đã được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, có thời gian gián đoạn không lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng mà không ủy quyền cho người khác lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, để được tiếp tục hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, người lao động có đơn đề nghị nêu rõ lý do gián đoạn lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc không bị phạt tù giam hoặc không xuất cảnh trái phép hoặc không bị tòa án tuyên bố là mất tích trong thời gian không lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng.

Những tháng chưa nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với trường hợp người lao động có đủ điều kiện trên được cơ quan bảo hiểm xã hội hoàn trả theo mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định ở từng tháng đó, không bao gồm tiền lãi.

12[24]. Đối với người bị tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng quy định tại Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội thì thời điểm tiếp tục hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng được tính kể từ tháng liền kề sau tháng người bị kết án tù giam chấp hành xong án phạt tù giam, hoặc tháng người được tòa án tuyên bố là mất tích trở về (theo ngày tháng ghi trong quyết định) hoặc tháng người xuất cảnh trở về định cư hợp pháp (theo ngày tháng nhập cảnh).

V. CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT

1. Trợ cấp mai táng bằng 10 tháng lương tối thiểu chung tại thời điểm chết. Tiền lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định cho từng giai đoạn.

2. Trợ cấp tuất hàng tháng đối với con chưa đủ 18 tuổi nếu còn đi học quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP là con đang học ở các trường phổ thông, các trường, lớp đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc dạy nghề quốc lập, dân lập, tư thục.

3. Đối với thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng quy định tại Khoản 2, Điều 37 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP bị suy giảm khả năng lao động thì phải do thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu bị chết giới thiệu đi giám định y khoa tại địa phương nơi thân nhân cư trú.

---

[23] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục IV của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

[24] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Mục IV của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

Thời hạn giới thiệu đi giám định mức suy giảm khả năng lao động trong vòng 6 tháng kể từ khi quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu chết. Nếu Hội đồng Giám định y khoa kết luận bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên thì được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng từ tháng sau khi người lao động chết.

4. Toàn bộ thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nếu có thu nhập hàng tháng bằng mức lương tối thiểu chung trở lên thì không hưởng tiền tuất hàng tháng mà hưởng trợ cấp tuất một lần, do một người đại diện đứng tên nhận.

5. Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu có thời gian đóng bảo hiểm xã hội nếu còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội mà bị chết, nếu thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng và có nguyện vọng nhận trợ cấp tuất hàng tháng thì thân nhân được đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho những tháng còn thiếu, để giải quyết trợ cấp tuất hàng tháng theo quy định tại Điều 37 và Khoản 7 Điều 50 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP (kể cả với người đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội).

Ví dụ 33: Đồng chí Trần Văn Đồng, Đại úy, nhập ngũ tháng 11/1992, chức vụ Đại đội trưởng, chết tháng 4/2007, có thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội là 14 năm 6 tháng, gia đình có nguyện vọng xin đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho 6 tháng còn thiếu (đủ 15 năm) để thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng. Cách tính như sau:

- Thay người sử dụng lao động đóng 11% vào quỹ hưu trí, tử tuất:

450.000 đồng x (5,40 + 0,30) x 1,14% x 11% x 6 tháng = 1.929.906 đồng.

- Cá nhân đóng 5%:

450.000 đồng x (5,40 + 0,30) x 1,14 x 5% x 6 tháng = 877.230 đồng.

Tổng số tiền thân nhân đồng chí Đồng phải đóng là:

1.929.906 đồng + 877.230 đồng = 2.807.136 đồng.

- Thân nhân đồng chí Đồng được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng từ tháng 5/2007 trở đi.

6. Những trường hợp hưởng trợ cấp tuất một lần và mức hưởng như sau:

a) Người lao động đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần mà chết, kể cả đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội, nhưng không có hoặc không còn thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng thì thân nhân được nhận trợ cấp tuất một lần. Mức trợ cấp tuất một lần thực hiện như quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều 40 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP;

b) Người lao động đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 15 năm mà chết do ốm đau, tai nạn rủi ro, kể cả đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội, thì mức trợ cấp tuất một lần thực hiện như quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều 40 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP;

c) Người chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; do bị nhiễm HIV/AIDS vì tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thi hành nhiệm vụ, kể cả chết trong thời gian

điều trị lần đầu, nhưng không có hoặc không còn thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, thì được nhận trợ cấp tuất một lần. Mức trợ cấp tuất một lần thực hiện như quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều 40 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP;

d) Người lao động đã nghỉ việc, đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên mà chết, nhưng không có hoặc không còn thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần bằng 3 tháng mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đang hưởng trước khi chết;

đ) Người đang hưởng lương hưu hàng tháng mà chết nhưng không có hoặc không còn thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng thì được nhận trợ cấp tuất một lần. Mức trợ cấp tuất một lần thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

7. Tiền tuất một lần đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 6 nêu trên có mức thấp nhất bằng 3 tháng bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội trước khi chết.

8. Người vừa hưởng chế độ hưu trí, vừa hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng mà chết thì thân nhân được hưởng chế độ tử tuất theo chế độ của thân nhân người hưởng lương hưu chết.

9. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính trợ cấp tuất một lần thực hiện như quy định tại Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP và các Khoản 7, 8, Mục IV, Phần A Thông tư này.

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ hưởng phụ cấp quân hàm, học sinh cơ yếu được đào tạo về kỹ thuật, nghiệp vụ mật mã mà chết thì trợ cấp tuất một lần tính theo mức lương ấn định bằng lương tối thiểu chung, nhưng mức trợ cấp thấp nhất cũng bằng 3 tháng tiền lương tối thiểu chung.

Ví dụ 34: Đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn Bình nhập ngũ tháng 5/1976 chết tháng 10/2007, có 31 năm 6 tháng đóng bảo hiểm xã hội, thân nhân không đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng mà hưởng trợ cấp tuất một lần, diễn biến tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối để tính hưởng trợ cấp tuất một lần như sau;

- Từ tháng 11/2002 - 7/2005 là 33 tháng, Trung tá, trong đó từ tháng 11/2002 đến 9/2004 hệ số lương cũ 5,30, chuyển sang lương mới cả quá trình hệ số 6,60, thâm niên nghề 29%:

450.000 đồng x 6,60 x 1,29 x 33 tháng = 126.432.900 đồng.

- Từ tháng 8/2005 - 10/2007 là 27 tháng, Thượng tá, hệ số lương 7,30; thâm niên nghề 31%:

450.000 đồng x 7,30 x 1,31 x 27 tháng = 116.190.450 đồng.

Lương bình quân 5 năm cuối:

$$\frac{126.432.900 \text{ đồng} + 116.190.450 \text{ đồng}}{60 \text{ tháng}} = 4.043.722 \text{ đồng/tháng.}$$

Trợ cấp tuất 1 lần:

Ứng với 31 năm đóng bảo hiểm xã hội:

4.043.722 đồng x 31 năm x 1,5 tháng = 188.033.073 đồng.

Ứng với 6 tháng lẻ đóng bảo hiểm xã hội:

4.043.722 đồng x 0,5 năm x 1,5 tháng = 3.032.791 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp tuất một lần cho thân nhân đồng chí Bình là:

188.033.073 đồng + 3.032.791 đồng = 191.065.864 đồng.

Ví dụ 35: Đồng chí Nguyễn Văn Hòa, nhập ngũ tháng 02/2004 có quá trình công tác như sau:

- Từ 02/2004 - 8/2004: Binh nhì, chiến sĩ.

- Từ 9/2004 - 1/2007: Học viên Cao đẳng kỹ thuật Vinhem Pích.

- Từ 2/2007: Thiếu úy, trợ lý quân khí Bộ CHQS tỉnh.

- Ngày 25/10/2007 bị ốm chết.

Cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp tuất một lần như sau (tiền lương tối thiểu là 450.000 đồng/tháng)

- Từ tháng 02/2004 - 01/2007 là 36 tháng

450.000 đồng x 36 tháng = 16.200.000 đồng.

- Từ tháng 02/2007 - 10/2007 là 9 tháng, hệ số lương = 3,50

450.000 đồng x 3,50 x 9 tháng = 14.175.000 đồng.

Lương bình quân: $\frac{16.200.000đ + 14.175.000đ}{45 \text{ tháng}} = 675.000 \text{ đồng/tháng.}$

Vì đồng chí Hòa có 3 năm 9 tháng đóng BHXH nên trợ cấp tuất một lần được tính hưởng như người có 4 năm chẵn đóng BHXH. Vì vậy, tiền tuất một lần của thân nhân đồng chí Hòa là:

675.000đ x 04 năm x 1,5 tháng = 4.050.000 đồng.

Ví dụ 36: Đồng chí Vũ Văn Nam, chiến sĩ công an, nhập ngũ tháng 02/2006, tháng 4/2007 bị tai nạn rủi ro chết, mức trợ cấp tuất một lần từ quỹ bảo hiểm xã hội gồm: 450.000 đồng x 1,5 (tháng) x 1,5 (năm) = 1.012.500 đồng, nhưng theo quy định tại Khoản 1, Điều 40 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thì mức trợ cấp tuất một lần thấp nhất bằng 3 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, trợ cấp tuất một lần cho thân nhân đồng chí Nam là:

450.000 đồng x 03 (tháng) = 1.350.000 đồng.

B. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP

a) Đối với quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương theo thang lương bảng lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) của mỗi người. Tiền lương này tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định ở từng giai đoạn;

b) Trường hợp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu được cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền điều động, cử biệt phái sang làm việc tại các cơ quan, tổ chức ngoài quân đội, công an, cơ yếu hoặc tại các doanh nghiệp, liên doanh của Quân đội, công an, cơ yếu nhưng vẫn do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội được thực hiện theo quy định tại Khoản a nêu trên;

c) Đối với hạ sỹ quan, binh sỹ hưởng phụ cấp, học sinh cơ yếu đào tạo về kỹ thuật, nghiệp vụ mật mã thì tiền lương đóng bảo hiểm xã hội tính trên mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định ở từng giai đoạn.

2. Mức đóng bảo hiểm xã hội một lần cho những tháng còn thiếu (không quá 6 tháng) vào quỹ hưu trí, tử tuất và mức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với những người ra nước ngoài theo chế độ phu nhân, phu quân quy định tại Khoản 7 và Khoản 10 Điều 50 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Từ tháng 1/2007 đến tháng 12/2009 mức đóng:

5% + 11% = 16% tiền lương tháng;

b) Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2011 mức đóng:

6% + 12% = 18% tiền lương tháng;

c) Từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2013 mức đóng:

7% + 13% = 20% tiền lương tháng;

d) Từ tháng 01/2014 trở đi mức đóng:

8% + 14% = 22% tiền lương tháng.

Ví dụ 37: Đồng chí Đỗ Thùy Dương, Thiếu tá, bác sỹ Bệnh viện 354, Tổng cục Hậu cần, tháng 7/2009 được phép đi theo chế độ phu nhân tại Singapo đến hết tháng 6/2012 về nước. Đồng chí Dương phải đóng bảo hiểm xã hội cho những tháng đi theo chế độ phu nhân cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng (qua Bệnh viện 354) như sau:

- Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2009 = 06 tháng x 16% tiền lương thiếu tá;
- Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2011 = 24 tháng x 18% tiền lương thiếu tá;
- Từ tháng 01/2012 đến tháng 6/2012 = 06 tháng x 20% tiền lương thiếu tá.

3.[25] Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an có trách nhiệm quản lý toàn bộ phần tài chính bảo hiểm xã hội và hướng dẫn trong Bộ mình về thu, chi bảo hiểm xã hội đối với tất cả các đối tượng đang phục vụ trong Bộ mình, trên cơ sở những quy định chung và hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Hàng tháng, nộp toàn bộ số thu bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Hàng quý, năm, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an quyết toán với các đơn vị thuộc Bộ; hàng năm quyết toán với Bảo hiểm xã hội Việt Nam về các khoản thu, chi bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội.

4.[26] Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi hoạt động quản lý bảo hiểm xã hội đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an thực hiện theo Điều 11, Điều 12, Điều 13 Mục III Thông tư số 134/2011/TT-BTC ngày 30/9/2011 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bao gồm chi thường xuyên cho lao động hợp đồng do Thủ trưởng đơn vị thực hiện giao kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật; chi thường xuyên đặc thù; chi không thường xuyên được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định; chi đầu tư phát triển phục vụ cho hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

C. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Trong thời gian người lao động được cấp có thẩm quyền cho phép ra nước ngoài theo chế độ phu nhân, phu quân tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Khoản 10 Điều 50 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thì không được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội như: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trừ trường hợp nếu trước khi ra nước ngoài đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, thì vẫn tiếp tục hưởng trợ cấp đó, thủ tục hưởng theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Ngoài ra, được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội với đơn vị quản lý trực tiếp trước khi đi cho quỹ hưu trí, tử

---

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung và thay thế theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

[26] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

tuất tính theo mức lương đang hưởng trước khi đi, chuyển đổi theo chế độ tiền lương do Chính phủ quy định ở từng giai đoạn.

2.[27] Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ có thời hạn, nhập ngũ từ 01/01/2007 trở về sau; hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ, học viên công an nhân dân được hưởng sinh hoạt phí đang đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý và học sinh cơ yếu đào tạo về kỹ thuật, nghiệp vụ mật mã do Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý thì toàn bộ thời gian là hạ sĩ quan, binh sĩ, học viên công an nhân dân được hưởng sinh hoạt phí hoặc thời gian đào tạo về kỹ thuật, nghiệp vụ mật mã hoặc chuyển tiếp sang diện hưởng lương trong các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trước hoặc sau ngày 01/01/2007 được tính để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định tại Mục 4 và Mục 5 Chương II Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2013/NĐ-CP.

3. Người lao động đã bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước ngày 01/01/2007 thì khi giải quyết chế độ hưu trí hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, hoặc chế độ tử tuất từ ngày 01/01/2007 trở đi được áp dụng quy định tại Mục 4 và Mục 5 Chương II Nghị định số 68/2007/NĐ-CP (bao gồm cả cách tính tỷ lệ % hưởng lương hưu), tiền lương đóng bảo hiểm xã hội theo thang, bảng lương do Nhà nước quy định được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội.

4. Người lao động nghỉ hưu hưởng mức lương hưu thấp quy định tại Điều 30 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, nếu trước ngày 01/01/2007 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội (hoặc được coi là đã đóng bảo hiểm xã hội) khi chưa đủ 15 tuổi, thì tỷ lệ % lương hưu được cộng do đi làm trước tuổi chỉ được bằng hoặc nhỏ hơn tỷ lệ % lương hưu phải trừ do nghỉ việc sớm hơn tuổi quy định. Cách tính bù trừ này chỉ áp dụng đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi mà bị trừ tỷ lệ % lương hưu.

5. Những trường hợp vừa hưởng chính sách ưu đãi người có công, vừa hưởng chính sách bảo hiểm xã hội quy định tại Khoản 11 Điều 50 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Người lao động trong khi làm nhiệm vụ mà bị thương, hoặc chết thuộc trường hợp được xác định là tai nạn lao động, đồng thời được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh hoặc liệt sỹ, thì ngoài việc được hưởng chính sách ưu đãi người có công do ngân sách Nhà nước bảo đảm, vẫn được thực hiện chế độ tai nạn lao động, tử tuất quy định tại Mục 3 và Mục 5 Chương II Nghị định số 68/2007/NĐ-CP;

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung và thay thế theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

b) Người lao động bị thương hoặc bị chết do ốm đau, tai nạn thông thường được thực hiện chế độ ốm đau hoặc tử tuất quy định tại Mục 1 và Mục 5 Chương II Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Trường hợp ốm đau, tai nạn ở những nơi khó khăn, gian khổ mà được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là thương binh, hoặc người hưởng chính sách như thương binh, hoặc liệt sỹ, thì còn được hưởng chính sách ưu đãi người có công do ngân sách nhà nước bảo đảm;

c) Người lao động khi phục viên, xuất ngũ mà đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền quyết định hưởng chế độ bệnh binh, thì ngoài việc được hưởng chế độ bệnh binh do ngân sách nhà nước bảo đảm, vẫn được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần quy định tại Điều 32 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

6. Người lao động bắt đầu hưởng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2007 trở đi mà chưa được thực hiện theo quy định tại Thông tư này, thì Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi đối tượng cư trú hợp pháp giải quyết truy trả trợ cấp một lần, điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định mới thì Bảo hiểm xã hội địa phương nơi đối tượng cư trú hợp pháp căn cứ vào hồ sơ hiện đang quản lý để thực hiện điều chỉnh.

7.[28] Căn cứ vào các quy định nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP, Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, hướng dẫn tại Thông tư số 19/2008/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và hướng dẫn tại Thông tư này, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an[29] có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện cho phù hợp với đặc điểm tổ chức của Bộ, ngành mình.

8. Các trường hợp đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 31/12/2006 trở về trước thì vẫn thực hiện theo các quy định trước đây và được điều chỉnh mức hưởng theo quy định của Chính phủ ở từng giai đoạn.

9. Đối với quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu phục viên, xuất ngũ, thôi việc về địa phương đã nhận trợ cấp một lần từ quỹ bảo hiểm xã hội không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc có hiệu lực, nếu có nguyện vọng bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì được nộp lại

---

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Mục V của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

[29] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ" được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

số tiền trợ cấp đã nhận cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an,[30] và được cơ quan đó xác nhận lại và bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên chính sổ bảo hiểm xã hội cũ.

9a.[31] Quân nhân, công an nhân dân phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 15/12/1993, sau đó chuyển sang làm việc có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, hộ kinh tế cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác (gọi chung là đơn vị; bao gồm cả người làm việc tại y tế xã, phường, thị trấn, giáo viên mầm non hoặc giữ các chức danh ở xã, phường, thị trấn trước ngày 01/01/1995 được tính hưởng bảo hiểm xã hội sau đó chuyển sang các đơn vị trong và ngoài Nhà nước) và cá nhân có thuê mướn, sử dụng và trả công cho người lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cả năm chế độ mà không hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002; Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ thì được cộng nối thời gian công tác trong Quân đội, Công an trước đó với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội sau này để tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 38: Đồng chí Lê Văn Kim, sinh tháng 4/1956, nhập ngũ tháng 01/1978, Thượng úy, phục viên tháng 9/1993 có 15 năm 8 tháng phục vụ Quân đội và 5 năm lao động hợp đồng có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ năm chế độ tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Phương Đông, tháng 8/2005 nghỉ việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội; đồng chí Kim chưa hưởng chế độ theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Tháng 5/2016 đồng chí Kim đủ điều kiện nghỉ hưu. Thời gian được tính hưởng bảo hiểm xã hội của đồng chí Kim là:

---

[30] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ" được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

[31] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

15 năm 08 tháng + 05 năm = 20 năm 08 tháng.

10. Người lao động đã được Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an[32] bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, nếu sau đó tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được cộng hai giai đoạn tham gia bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính hưởng chế độ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

11.[33] Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Các chế độ hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01/01/2007.

---

[32] Cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ" được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014.

[33] Mục VI của Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009, quy định như sau:

"VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định tại Thông tư này về chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ hưu trí được áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về liên Bộ để xem xét, hướng dẫn giải quyết."

Điều 2 của Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014, quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2014;

Các chế độ hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2013.

2. Trường hợp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu có thời gian được hưởng phụ cấp thâm niên nghề quy định tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo, nghỉ hưu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà khi tính lương hưu chưa có phụ cấp thâm niên nghề thì Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an có trách nhiệm trích nộp bổ sung phần đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ phụ cấp thâm niên nghề, điều chỉnh, chi trả chế độ trợ cấp một lần

Thông tư này thay thế Thông tư số 29/LB-TT ngày 02/11/1995 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng, Nội vụ hướng dẫn một số điều thực hiện Điều lệ Bảo hiểm xã hội với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan binh sĩ quân đội nhân dân và công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ. Thông tư số 270/2003/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 07/11/2003 của liên Bộ Quốc phòng, Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội và Thông tư số 299/2003/TT-BQP ngày 24/12/2003 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/2003/NĐ-CP ngày 05/8/2003 của Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 68/2007/NĐ-CP và Thông tư này, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về liên Bộ để xem xét, giải quyết, hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 10/TLHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung

---

tăng thêm (nếu có) và điều chỉnh lại mức hưởng lương hưu đối với các đối tượng theo quy định, chuyển bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện.

3. Trường hợp quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đã chuyển ngành sang làm việc trong biên chế tại các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hưởng lương từ ngân sách Nhà nước thuộc các ngành nghề được tính thâm niên nghề theo quy định, sau đó nghỉ hưu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà khi tính lương hưu đã được tính trùng phụ cấp thâm niên nghề thì cách tính lương hưu thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư này. Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh mức hưởng lương hưu đối với các đối tượng và truy thu số tiền chênh lệch đã hưởng (nếu có) nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định.

4. Bãi bỏ các cụm từ "Bảo hiểm xã hội Ban cơ yếu Chính phủ" và các hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ tại các Phần, Mục, Khoản của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH.

5. Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người lao động đang công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về liên Bộ để xem xét, hướng dẫn giải quyết."

Phụ lục 1

MỨC HƯỞNG TRỢ CẤP THAI SẢN

- Nghỉ 7 ngày: mức hưởng trợ cấp thai sản bằng 0,27 tháng lương bình quân.
- Nghỉ 10 ngày: mức hưởng trợ cấp thai sản bằng 0,33 tháng lương bình quân.
- Nghỉ 15 ngày: mức hưởng trợ cấp thai sản bằng 0,50 tháng lương bình quân.
- Nghỉ 20 ngày: mức hưởng trợ cấp thai sản bằng 0,67 tháng lương bình quân.
- Nghỉ 40 ngày: mức hưởng trợ cấp thai sản bằng 1,33 tháng lương bình quân.
- Nghỉ 50 ngày: mức hưởng trợ cấp thai sản bằng 1,67 tháng lương bình quân.

Phụ lục 2
DANH MỤC BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Bệnh bụi phổi - Silic nghề nghiệp
2. Bệnh bụi phổi Athet (Amiăng)
3. Bệnh bụi phổi bông
4. Bệnh viêm phế quản mãn tính nghề nghiệp
5. Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất chì
6. Bệnh nhiễm độc benzen và các hợp chất đồng đẳng của benzen
7. Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất của thuỷ ngân
8. Bệnh nhiễm độc mangan và các hợp chất của mangan
9. Bệnh nhiễm độc TNT (trinitro toluen)
10. Bệnh nhiễm độc asen và các chất asen nghề nghiệp
11. Nhiễm độc chất Nicotin nghề nghiệp
12. Bệnh nhiễm độc hóa chất trừ sâu nghề nghiệp
13. Bệnh do quang tuyến X và các chất phóng xạ
14. Bệnh điếc do tiếng ồn
15. Bệnh rung chuyển nghề nghiệp
16. Bệnh giảm áp mãn tính nghề nghiệp
17. Bệnh sạm da nghề nghiệp
18. Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc
19. Bệnh lao nghề nghiệp
20. Bệnh viêm gan virut nghề nghiệp
21. Bệnh do xoắn khuẩn Leptospira nghề nghiệp
22. Bệnh hen phế quản nghề nghiệp
23. Bệnh nhiễm độc cacbonmonoxit nghề nghiệp
24. Bệnh nốt dầu nghề nghiệp
25. Bệnh viêm loét da, viêm móng và xung quanh móng nghề nghiệp.

Phụ lục 3
TRỢ CẤP TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP MỘT LẦN

a) Mức trợ cấp một lần tính theo mức suy giảm khả năng lao động

Mức suy giảm KNLĐ	Mức trợ cấp một lần	Mức suy giảm KNLĐ	Mức trợ cấp một lần
5%	05 tháng lương tối thiểu	18%	11,5 tháng lương tối thiểu
6%	5,5 tháng lương tối thiểu	19%	12 tháng lương tối thiểu
7%	6 tháng lương tối thiểu	20%	12,5 tháng lương tối thiểu
8%	6,5 tháng lương tối thiểu	21%	13 tháng lương tối thiểu
9%	7 tháng lương tối thiểu	22%	13,5 tháng lương tối thiểu
10%	7,5 tháng lương tối thiểu	23%	14 tháng lương tối thiểu
11%	8 tháng lương tối thiểu	24%	14,5 tháng lương tối thiểu
12%	8,5 tháng lương tối thiểu	25%	15 tháng lương tối thiểu
13%	9 tháng lương tối thiểu	26%	15,5 tháng lương tối thiểu
14%	9,5 tháng lương tối thiểu	27%	16 tháng lương tối thiểu
15%	10 tháng lương tối thiểu	28%	16,5 tháng lương tối thiểu
16%	10,5 tháng lương tối thiểu	29%	17 tháng lương tối thiểu
17%	11 tháng lương tối thiểu	30%	17,5 tháng lương tối thiểu

b) Trợ cấp một lần tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội

Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp	Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp
1 năm trở xuống	0,5 tháng	Đủ 21 năm	6,5 tháng
Đủ 2 năm	0,8 tháng	Đủ 22 năm	6,8 tháng
Đủ 3 năm	1,1 tháng	Đủ 23 năm	7,1 tháng
Đủ 4 năm	1,4 tháng	Đủ 24 năm	7,4 tháng
Đủ 5 năm	1,7 tháng	Đủ 25 năm	7,7 tháng
Đủ 6 năm	2,0 tháng	Đủ 26 năm	8,0 tháng
Đủ 7 năm	2,3 tháng	Đủ 27 năm	8,3 tháng
Đủ 8 năm	2,6 tháng	Đủ 28 năm	8,6 tháng

Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp	Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp
Đủ 9 năm	2,9 tháng	Đủ 29 năm	8,9 tháng
Đủ 10 năm	3,2 tháng	Đủ 30 năm	9,2 tháng
Đủ 11 năm	3,5 tháng	Đủ 31 năm	9,5 tháng
Đủ 12 năm	3,8 tháng	Đủ 32 năm	9,8 tháng
Đủ 13 năm	4,1 tháng	Đủ 33 năm	10,1 tháng
Đủ 14 năm	4,4 tháng	Đủ 34 năm	10,4 tháng
Đủ 15 năm	4,7 tháng	Đủ 35 năm	10,7 tháng
Đủ 16 năm	5,0 tháng	Đủ 36 năm	11 tháng
Đủ 17 năm	5,3 tháng	Đủ 37 năm	11,3 tháng
Đủ 18 năm	5,6 tháng	Đủ 38 năm	11,6 tháng
Đủ 19 năm	5,9 tháng	Đủ 39 năm	11,9 tháng
Đủ 20 năm	6,2 tháng	Đủ 40 năm	12,2 tháng
Tiếp tục như vậy, cứ thêm một năm (Đủ 12 tháng) đóng BHXH cộng thêm 0,3 tháng lương…			

Phụ lục 4
MỨC TRỢ CẤP TAI NẠN LAO ĐỘNG BỆNH NGHỀ NGHIỆP HÀNG THÁNG

a) Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động:

Mức suy giảm KNLĐ	Mức trợ cấp hàng tháng	Mức suy giảm KNLĐ	Mức trợ cấp hàng tháng
31%	30% mức lương tối thiểu chung	66%	100% mức lương tối thiểu chung
32%	32% mức lương tối thiểu chung	67%	102% mức lương tối thiểu chung
33%	34% mức lương tối thiểu chung	68%	104% mức lương tối thiểu chung
34%	36% mức lương tối thiểu chung	69%	106% mức lương tối thiểu chung
35%	38% mức lương tối thiểu chung	70%	108% mức lương tối thiểu chung
36%	40% mức lương tối thiểu chung	71%	110% mức lương tối thiểu chung
37%	42% mức lương tối thiểu chung	72%	112% mức lương tối thiểu chung
38%	44% mức lương tối thiểu chung	73%	114% mức lương tối thiểu chung
39%	46% mức lương tối thiểu chung	74%	116% mức lương tối thiểu chung
40%	48% mức lương tối thiểu chung	75%	118% mức lương tối thiểu chung
41%	50% mức lương tối thiểu chung	76%	120% mức lương tối thiểu chung
42%	52% mức lương tối thiểu chung	77%	122% mức lương tối thiểu chung
43%	54% mức lương tối thiểu chung	78%	124% mức lương tối thiểu chung
44%	56% mức lương tối thiểu chung	79%	126% mức lương tối thiểu chung
45%	58% mức lương tối thiểu chung	80%	128% mức lương tối thiểu chung
46%	60% mức lương tối thiểu chung	81%	130% mức lương tối thiểu chung
47%	62% mức lương tối thiểu chung	82%	132% mức lương tối thiểu chung
48%	64% mức lương tối thiểu chung	83%	134% mức lương tối thiểu chung
49%	66% mức lương tối thiểu chung	84%	136% mức lương tối thiểu chung
50%	68% mức lương tối thiểu chung	85%	138% mức lương tối thiểu chung
51%	70% mức lương tối thiểu chung	86%	140% mức lương tối thiểu chung
52%	72% mức lương tối thiểu chung	87%	142% mức lương tối thiểu chung

Mức suy giảm KNLĐ	Mức trợ cấp hàng tháng	Mức suy giảm KNLĐ	Mức trợ cấp hàng tháng
53%	74% mức lương tối thiểu chung	88%	144% mức lương tối thiểu chung
54%	76% mức lương tối thiểu chung	89%	146% mức lương tối thiểu chung
55%	78% mức lương tối thiểu chung	90%	148% mức lương tối thiểu chung
56%	80% mức lương tối thiểu chung	91%	150% mức lương tối thiểu chung
57%	82% mức lương tối thiểu chung	92%	152% mức lương tối thiểu chung
58%	84% mức lương tối thiểu chung	93%	154% mức lương tối thiểu chung
59%	86% mức lương tối thiểu chung	94%	156% mức lương tối thiểu chung
60%	88% mức lương tối thiểu chung	95%	158% mức lương tối thiểu chung
61%	90% mức lương tối thiểu chung	96%	160% mức lương tối thiểu chung
62%	92% mức lương tối thiểu chung	97%	162% mức lương tối thiểu chung
63%	94% mức lương tối thiểu chung	98%	164% mức lương tối thiểu chung
64%	96% mức lương tối thiểu chung	99%	166% mức lương tối thiểu chung
65%	98% mức lương tối thiểu chung	100%	168% mức lương tối thiểu chung

b) Mức trợ cấp hàng tháng tính theo số năm đã đóng BHXH:

Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp hàng tháng	Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp hàng tháng
1 năm trở xuống	0,5% tháng	Đủ 21 năm	6,5% tháng
Đủ 2 năm	0,8% tháng	Đủ 22 năm	6,8% tháng
Đủ 3 năm	1,1% tháng	Đủ 23 năm	7,1% tháng
Đủ 4 năm	1,4% tháng	Đủ 24 năm	7,4% tháng
Đủ 5 năm	1,7% tháng	Đủ 25 năm	7,7% tháng
Đủ 6 năm	2,0% tháng	Đủ 26 năm	8,0% tháng
Đủ 7 năm	2,3% tháng	Đủ 27 năm	8,3% tháng
Đủ 8 năm	2,6% tháng	Đủ 28 năm	8,6% tháng
Đủ 9 năm	2,9% tháng	Đủ 29 năm	8,9% tháng
Đủ 10 năm	3,2% tháng	Đủ 30 năm	9,2% tháng

Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp hàng tháng	Số năm đóng BHXH	Mức trợ cấp hàng tháng
Đủ 11 năm	3,5% tháng	Đủ 31 năm	9,5% tháng
Đủ 12 năm	3,8% tháng	Đủ 32 năm	9,8% tháng
Đủ 13 năm	4,1% tháng	Đủ 33 năm	10,1% tháng
Đủ 14 năm	4,4% tháng	Đủ 34 năm	10,4% tháng
Đủ 15 năm	4,7% tháng	Đủ 35 năm	10,7% tháng
Đủ 16 năm	5,0% tháng	Đủ 36 năm	11% tháng
Đủ 17 năm	5,3% tháng	Đủ 37 năm	11,3% tháng
Đủ 18 năm	5,6% tháng	Đủ 38 năm	11,6% tháng
Đủ 19 năm	5,9% tháng	Đủ 39 năm	11,9% tháng
Đủ 20 năm	6,2% tháng	Đủ 40 năm	12,2% tháng
Tiếp tục như vậy, cứ thêm một năm (đủ 12 tháng) đóng BHXH cộng thêm 0,3% tháng lương…			

Phụ lục 5[1]

BẢNG GIÁ PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP VÀ DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH

(Quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2006/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 21/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế)

Số TT	Loại dụng cụ	Số tiền (đ)/1 niên hạn được cấp
1	Chân tháo khớp hông	3.186.000
2	Chân trên	1.488.000
3	Chân tháo khớp gối	1.864.000
4	Chân tháo khớp bàn	1.165.000
5	Chân dưới dây đeo số 8	1.088.000
6	Chân dưới có bao da đùi	1.115.000
7	Nẹp hông	1.047.000
8	Nẹp đùi	603.000
9	Nẹp cẳng chân	476.000
10	Giày chỉnh hình	862.000
11	Dép chỉnh hình	504.000
12	Tay tháo khớp vai	1.884.000
13	Tay trên	1.733.000
14	Tay dưới	1.314.000
15	Xe lắc	2.738.000
16	Xe lăn tay gấp	1.945.000

[1] Phụ lục này được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2009.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng